

Số: /KH-SNN

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2025**

**Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024

Trong năm 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT đã bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025; Kế hoạch số 1004/KH-UBND ngày 19/12/2023 Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2024.

Mục tiêu đạt được năm 2024:

- Đã tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025; Kế hoạch số 1004/KH-UBND ngày 19/12/2023 về việc chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2024.

- 100% máy tính kết nối mạng LAN và Internet băng rộng, 100% đơn vị thuộc sở kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, 100% các đơn vị thuộc sở hoàn thành xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (LAN) và đạt mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

- 100% thủ tục hành chính (viết tắt: TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT được quy định mức độ toàn trình được thực hiện dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (trừ các TTHC mang tính đặc thù); tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An đạt 100%; 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC. Từ ngày 15/12/2023 đến 15/11/2024, đạt 67,96% tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và giải quyết trực tuyến; 99,46% hồ sơ TTHC được số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC và đạt, vượt mục tiêu so với kế hoạch đề ra.

+ Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 16/11/2024, toàn ngành Sở Nông nghiệp có tỷ lệ duyệt văn bản đến trên hệ thống phần mềm VNPTIOFFice chiếm 99,84%; tỷ lệ văn bản đi ký số trên hệ thống phần mềm VNPTIOFFice chiếm 85,311%, tỷ lệ người dùng thường xuyên toàn ngành đạt 72%, các chỉ tiêu đạt kế hoạch đề ra. 87% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành

VNPTIOFFice tại Cơ quan sở và các Chi cục thuộc Sở chưa đạt so với kế hoạch đề ra 95%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của Ngành Nông nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, chuyển đổi số, an toàn, an ninh thông tin và đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

- 100% báo cáo định kỳ theo quy định được cập nhật trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và hệ thống báo cáo của Chính phủ và đạt so với kế hoạch đề ra.

- Sở đã triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện tại đang triển khai thí điểm đạt kế hoạch đề ra.

- 100% máy tính Cơ quan sở, 06 Chi cục thuộc Sở đã cài đặt SOC (Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng) đồng thời đăng ký đề xuất cài đặt cho 25 đơn vị trực thuộc sở còn lại. Ngoài ra, Sở trang bị phần mềm diệt virus có trả phí nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan cho toàn bộ máy tính tại Cơ quan sở.

- Đến ngày 15/11/2024, tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ Sản xuất nông nghiệp Nghệ An... được đưa lên các sàn thương mại điện tử là 266.373 hộ, tổng số sản phẩm được đưa lên sàn là 8.836 sản phẩm, xếp thứ 5 cả nước về số sản phẩm nông nghiệp được đưa lên sàn. Toàn tỉnh có 629 sản phẩm OCOP được công nhận đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên, trong đó có 1 sản phẩm đạt hạng 5 sao, 31 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 597 sản phẩm đạt hạng 3 sao; có 301/619 sản phẩm chiếm 47,8% sản phẩm OCOP của tỉnh Nghệ An đã lên các sàn thương mại điện tử.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại sở

Sở đã ban hành Kế hoạch 5206/KH-SNN ngày 29/12/2023 chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An năm 2024; Kế hoạch số 983/KH-SNN-VP ngày 18/3/2024 triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2024; Kế hoạch số 2110/KH-SNN-VP ngày 28/05/2024 thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Sở nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 371/QĐ-SNN-VP ngày 18/06/2024 ban hành kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An năm 2024 và hơn 80 văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai về công tác chuyển đổi số, an toàn an ninh thông tin toàn ngành.

Trong các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm và các hội nghị sơ kết, Giám đốc sở luôn quán triệt, chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác chuyển đổi số tại các đơn vị. Đồng thời, chỉ đạo Thanh tra sở tăng cường công tác thanh tra công vụ trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số.

2. Công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Ban hành kế hoạch về chuyển đổi số

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 3265/SNN-KHCN ngày 15/09/2022 Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022 - 2025; Kế

hoạch 5206/KH-SNN ngày 29/12/2023 chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An năm 2024; Kế hoạch số 983/KH-SNN-VP ngày 18/3/2024 triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực hiện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2024; Kế hoạch số 2110/KH-SNN-VP ngày 28/05/2024 thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 371/QĐ-SNN-VP ngày 18/06/2024 ban hành kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An năm 2024.

- Về cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp:

+ Về thực hiện TTHC: Hỗ trợ cho người dân nộp hồ sơ trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Nghệ An đối với TTHC “Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp” mức phí thu bằng 60% mức phí theo quy định hiện hành (tại Nghị quyết 14/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023).

+ Hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Tại Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 7/7/2023 và Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND ngày 7/6/2024), cụ thể: Hỗ trợ 70% cước phí thuê bao hàng tháng dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá.

+ Hỗ trợ máy nông nghiệp, hỗ trợ chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông lâm thủy sản, hỗ trợ xây dựng các mô hình ứng dụng sản xuất các loại cây con,... (Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021).

+ Ngoài ra, Sở đã tham mưu HĐND tỉnh các chính sách hỗ trợ thực hiện Dự án 2 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 (tại Nghị quyết 07/2024/NQ-HĐND ngày 7/6/2024); hỗ trợ thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 (tại Nghị quyết 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020); chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 – 2030 (tại Nghị quyết 09/2024/NQ-HĐND ngày 7/6/2024)...

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

a) Kết quả đạt được:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành kiện toàn lại Ban chỉ đạo chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT, trên cơ sở đó Sở đã ban hành Quyết định thành lập Tổ giúp việc chuyển đổi số đồng thời ban hành Quy chế hoạt động của ban chỉ đạo về chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Nghệ An.

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức quán triệt đầy đủ nội dung Nghị quyết số 09-NQ/TU cho cán bộ đảng viên, cán bộ công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số.

- Chỉ đạo, triển khai các chương trình hội thảo, các khoá tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng chuyển đổi số cho doanh nghiệp nông nghiệp và phát triển nông

thôn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo các phòng sở, đơn vị thuộc sở xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : Năm 2024, đã xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi.

- Chỉ đạo, ban hành các kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong chính phủ số đặc biệt ứng dụng các phần mềm trong quản lý chỉ đạo điều hành, chữ ký số.

- Ngoài ra, chỉ đạo, hỗ trợ chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp đặc biệt là chỉ đạo các phòng sở, đơn vị thuộc sở tăng cường giải quyết TTHC, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ TTHC điện tử nhằm giảm các chi phí đi lại của người dân.

b) Tồn tại, hạn chế:

Ban chỉ đạo chuyển đổi số của sở hầu hết là lãnh đạo các phòng, đơn vị kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác nên việc chuyên tâm chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực phụ trách còn chưa được quyết liệt.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Cán bộ, công chức, viên chức tại Cơ quan sở và các đơn vị thuộc sở được trang bị máy vi tính, máy in để thực hiện công việc.

- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức sử dụng máy tính trong quản lý, xử lý công việc tại Cơ quan sở và đơn vị thuộc Sở đạt 100%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tại Cơ quan sở và đơn vị thuộc Sở đã sử dụng hệ thống mạng chuyên dùng của tỉnh.

- Hạ tầng mạng LAN, WAN và Internet trong Cơ quan sở và đơn vị thuộc Sở đã được đầu tư tương đối đầy đủ, 32/32 đơn vị trong ngành có kết nối mạng LAN, WAN và Internet, đáp ứng nhu cầu trao đổi dữ liệu, kết nối với các đơn vị trong và ngoài tỉnh.

- Triển khai họp trực tuyến kết nối với bộ, ngành, trung ương.

- Triển khai hệ thống camera giám sát, cảnh báo cháy rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Nghệ An và Ban quản lý rừng phòng hộ Nghi Lộc.

- Trang thiết bị máy tính được bổ sung phù hợp với công nghệ và đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhìn chung hạ tầng máy tính, hạ tầng mạng tại Cơ quan sở và các đơn vị thuộc sở cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động, công tác chuyên môn. Tuy nhiên, cũng có một số máy tính tại đơn vị trực thuộc Sở được trang bị từ lâu, tốc độ xử lý chậm, không đáp ứng được công nghệ như hiện nay do nguồn kinh phí hàng năm ngân sách bố trí mua sắm trang thiết bị còn hạn chế.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- Sở Nông nghiệp và PTNT có Giám đốc sở làm trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số, bố trí 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở chỉ đạo trực tiếp công tác chuyển đổi số và đảm bảo an toàn an ninh thông tin; 01 công chức có trình độ chuyên môn Đại học ngành công nghệ thông tin tham mưu triển khai công tác chuyển đổi số của ngành.

- Đơn vị cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn internet trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà cho cán bộ, công chức viên chức toàn Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; các lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh tổ chức

- Đã tổ chức 02 lớp tập huấn với gần 300 cán bộ công chức, viên chức tham gia về ứng dụng hệ thống giải quyết TTHC và ký số cho lãnh đạo, văn thư và cán bộ công chức, viên chức làm công tác giải quyết TTHC, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin tại các phòng sở, đơn vị thuộc sở; 01 lớp tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức cấp xã thực hiện quản lý sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu Chăn nuôi.

- Ngoài ra, công tác tập huấn, hướng dẫn cho người dân về phổ biến tuyên truyền pháp luật các lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, quản lý chất lượng,...được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả.

- Ngoài ra Sở đã cử 31 cán công chức, viên chức làm kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc sở.

b) Tồn tại, hạn chế:

Trình độ, năng lực về công nghệ thông tin và chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức và người dân còn hạn chế nên khó tiếp cận với các tiện ích, nền tảng số.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: Tiếp tục ứng dụng hệ thống bản đồ nông hóa thổ nhưỡng đối với cây lúa ([trang Datluanghean.com](http://Datluanghean.com)). Ứng dụng hệ thống tưới tự động, theo dõi các chỉ số (độ ẩm, gió, lượng mưa, độ PH,...). Xây dựng mã vùng trồng, phần mềm về truy xuất nguồn gốc nông sản. Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trồng trọt, cơ sở dữ liệu bảo vệ thực vật do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y: Triển khai cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi năm đến các huyện, xã; ứng dụng hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam (Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng); công nghệ kiểm soát nhiệt độ trong chuồng nuôi.

- Lĩnh vực Thủy sản: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ vùng nuôi (WebGIS); hệ thống (Máy VX-1700) thông tin tầm xa phục vụ quản lý tàu cá trên biển; thiết bị giám sát hành trình VMS; hệ thống camera giám sát tàu cá tại các cảng; tiếp tục ứng dụng cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFISHBASE); hệ thống dữ liệu về nuôi trồng

thủy sản; dữ liệu về giống thủy sản; dữ liệu về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- Lĩnh vực Lâm nghiệp: Tiếp tục ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FMRS) trong lĩnh vực lâm nghiệp; tiếp tục triển khai phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì xây dựng; tiếp tục triển khai hệ thống giám sát đánh giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR); hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu gắn với hệ thống giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Lĩnh vực Thủy lợi, phòng chống thiên tai: triển khai hệ thống bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên lưu vực sông Cả do Trường Đại học Thủy lợi chủ trì xây dựng; hệ thống đo mưa chuyên dụng Vrain; quản lý vận hành xả lũ Hồ Vực Mầu.

- Lĩnh vực Khuyến nông: Đã xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng chuyển đổi số gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Lĩnh vực Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử, hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc theo mã QR.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn :

Giai đoạn 2022-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT đã xác định việc xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (viết tắt: cơ sở dữ liệu) là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt nhằm số hóa cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn , tích hợp đồng bộ cùng với cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT thuận lợi trong công tác theo dõi, chỉ đạo, triển khai, thực hiện đặc biệt là cơ sở để dự tính, dự báo cho kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Ngành để có hướng đi, phát triển đúng trọng tâm của Ngành.

+ Tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 tiến hành khảo sát các nghiệp vụ chuyên Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

+ Trong tháng 5/2024 Sở đã làm việc với VNPT Nghệ An nghe giới thiệu về hiện trạng xây dựng cơ sở dữ liệu của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và một số mô hình xây dựng cơ sở dữ liệu tại các địa phương.

+ Tháng 6/2024 đến tháng 9/2024 Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phối hợp với VNPT khảo sát các nghiệp vụ chuyên ngành phục vụ công tác xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT (lần 2).

+ Ngày 23/10/2024, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số để nghe và góp ý các nội dung, nhiệm vụ Chuyển đổi số của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025, trong đó trọng tâm xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và PTNT đồng thời liên thông với các cơ sở dữ liệu hiện có của các bộ, ngành, tỉnh, các sở ban ngành.

+ Ngày 01/12/2024 đến ngày 28/02/2025 triển khai thí điểm hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên các lĩnh vực theo Công văn

số 5155/SNN-VP ngày 20/11/2024, cụ thể:

Thủy sản và Kiểm ngư (cơ sở dữ liệu khai thác thủy sản (Quản lý tàu cá, dữ liệu về cơ sở đăng kiểm tàu cá,...); cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thủy sản (Dữ liệu quản lý IUU)).

Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường (cơ sở dữ liệu về quản lý an toàn thực phẩm).

Nông thôn mới (cơ sở dữ liệu về quản lý xây dựng nông thôn mới: Xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao; Xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu...).

Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn (cơ sở dữ liệu về bố trí dân cư; cơ sở dữ liệu về làng nghề; cơ sở dữ liệu Kinh tế hợp tác (hợp tác xã, trang trại); cơ sở dữ liệu về sản phẩm OCOP).

Thủy lợi (cơ sở dữ liệu về quản lý thiên tai; cơ sở dữ liệu về quản lý sạt lở).

Lâm nghiệp (cơ sở dữ liệu về giống cây trồng lâm nghiệp (Dữ liệu về nguồn giống; dữ liệu về giống cây trồng lâm nghiệp mới; dữ liệu về các đơn vị nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất, kinh doanh giống)).

Chăn nuôi và Thú y (cơ sở dữ liệu về quản lý dịch bệnh).

Trồng trọt và BVTN (cơ sở dữ liệu về giống cây trồng; cơ sở dữ liệu về sản xuất trồng trọt; cơ sở dữ liệu về đất trồng trọt).

b) Tồn tại, hạn chế:

Hiện nay, hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang ở giai đoạn thí điểm nên các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành chưa đồng bộ với hệ thống.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Sở đã ban hành Quyết định số 660/QĐ-SNN-VP ngày 23/10/2023 Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An;

- Sở đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khảo sát, kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin năm 2024 tại Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Tổ chức xây dựng và trình Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin: hệ thống Mạng nội bộ (LAN) của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 290/QĐ-STTTT ngày 27/11/2023 và tổ chức thực hiện theo hồ sơ cấp độ.

- Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATTT của tỉnh tổ chức trong năm 2024.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ cấp độ đối với các hệ thống thông tin mạng nội bộ LAN cho 31 đơn vị trực thuộc sở.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhận thức một số cán bộ công chức, viên chức và người lao động về công tác đảm bảo an toàn thông tin còn hạn chế.

7. Chính phủ số

a) Kết quả đạt được:

- Ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice:

+ Sở đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-SNN-VP ngày 27/3/2018 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, chứng thư số tại Sở Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 155/QĐ-SNN ngày 22/3/2023 ban hành quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An.

+ Trên cơ sở đó, Sở luôn rà soát người dùng hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice và cấp tài khoản cho các phòng, đơn vị. Ngoài ra Sở giám sát và có thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc các đơn vị sử dụng hệ thống VNPTIOffice chưa hiệu quả.

+ Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 16/11/2024, toàn ngành Sở Nông nghiệp có tỷ lệ duyệt văn bản trên hệ thống phần mềm VNPTIOffice chiếm 99,84%; tỷ lệ văn bản đi ký số trên hệ thống phần mềm VNPTIOffice chiếm 85,311%, tỷ lệ người dùng thường xuyên toàn ngành đạt 72%. Nhiều đơn vị trực thuộc sở đã thực hiện tốt việc sử dụng hệ thống phần mềm VNPTIOffice như: Ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành, Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới.

- Ứng dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh:

Năm 2024, Tổng số TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh công bố: 160 TTHC; cấp tỉnh: 121 (119 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, 1 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Tài chính, 1 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường), cấp huyện: 27, cấp xã 12). Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT: 125 TTHC; trong đó có 3 TTHC lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền công bố danh mục Sở giao thông vận tải, 3 TTHC Sở xây dựng tham mưu công bố. Trong đó có 21 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh cắt giảm thời gian giải quyết.

100% TTHC được công khai tại đơn vị, trên Cổng thông tin điện tử sở, trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và trên Trung tâm hành chính công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai 123 TTHC cho phép thực hiện qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên cổng dịch vụ công trực tuyến và 02 TTHC thực hiện trực tiếp không qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh do đặc thù. 100% hồ sơ TTHC được đưa lên hệ thống giải quyết TTHC để thực hiện. Tỷ lệ số hóa hồ sơ từ ngày 15/12/2023 đến 15/11/2024 trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đạt 99,46%.

- Triển khai họp trực tuyến theo chỉ đạo của Bộ, UBND tỉnh.

- Tình hình triển khai hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ: thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Cổng thông tin điện tử được thực hiện cung cấp thông tin, bài viết đầy đủ, từ ngày 15/12/2023 đến 15/11/2024, Sở đã cung cấp 904 tin bài, văn bản chỉ đạo

điều hành.

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức; bảo hiểm xã hội; quản lý tài sản, kê khai thuế; phần mềm kế toán,...

b) Tồn tại, hạn chế:

Kết quả thanh toán trực tuyến của tổ chức, cá nhân còn thấp; tỷ lệ người dùng thường xuyên phần mềm quản lý văn bản điều hành của một số đơn vị thuộc sở chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân: Sở Nông nghiệp và PTNT có 02 TTHC đặc thù giải quyết trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp, không thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh lại chiếm tỷ lệ lớn số hồ sơ có phí, lệ phí.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Đến ngày 15/11/2024, tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ Sản xuất nông nghiệp Nghệ An... được đưa lên các sàn thương mại điện tử là 266.373 hộ, tổng số sản phẩm được đưa lên sàn là 8.836 sản phẩm, xếp thứ 5 cả nước về số sản phẩm nông nghiệp được đưa lên sàn. Toàn tỉnh có 629 sản phẩm OCOP được công nhận đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên, trong đó có 1 sản phẩm đạt hạng 5 sao, 31 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 597 sản phẩm đạt hạng 3 sao; có 301/619 sản phẩm chiếm 47,8% sản phẩm OCOP của tỉnh Nghệ An đã lên các sàn thương mại điện tử..

- Năm 2024, Nghệ An có tổng diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên: 32.280,9 ha, chiếm 9,9% diện tích sản xuất đất nông nghiệp; trong đó diện tích đất trồng trọt là 31.818,2 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản là 462,7 ha. Toàn tỉnh hiện có 25 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, một số doanh nghiệp tiêu biểu như: Tập đoàn TH, Vinamilk Nghệ An, Tổng Công ty cổ phần VTNN Nghệ An, Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Vĩnh Hòa, Công ty TNHH mía đường Nasu; ... có 35 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật:

+ Đã áp dụng khoa học công nghệ mới trong công tác nghiên cứu và chọn tạo giống lúa mới, chọn tạo thành công giống lúa Hương thuần 8, có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất khá, gạo chất lượng cao đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Giống lúa Hương thuần 8 được Cục Trồng trọt công nhận lưu hành theo quyết định số 61/QĐ-TT-CLT ngày 1/4/2020 và được đưa vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh hàng năm; chọn tạo thành công giống lúa SL16 có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, chất lượng gạo tốt, giống được Cục Trồng trọt công nhận sản xuất thử theo quyết định số 107/QĐ-TT-CLT ngày 12/4/2019.

+ Xây dựng các mô hình trồng cây ăn quả có múi sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt như: Mô hình trồng cam kết hợp tưới nhỏ giọt tại Thị xã Thái Hòa; Mô hình sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây cam thời kỳ kiến thiết cơ bản tại huyện Nghĩa Đàn; Mô hình trồng thâm canh quýt ngọt có sử dụng công nghệ tưới tại huyện Đô Lương; Mô hình trồng chanh không hạt sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt và bao tiêu sản phẩm tại huyện Đô Lương; Một số mô hình sản xuất dưa lưới công

nghệ cao trong nhà lưới, nhà màng tại các huyện Diên Châu, Nam Đàn, Nghi Lộc, Quỳnh Hợp, Đô Lương, Tân Kỳ; tưới phun mưa, ứng dụng công nghệ chiếu sáng bằng đèn Led trong trồng thâm canh hoa cúc vụ đông 2024, trồng nho ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt theo tiêu chuẩn VietGAP, trồng thâm canh na dai....

+ Hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn như: Vùng trồng cỏ, cây nguyên liệu cho thức ăn gia súc của (Công ty CP TP sữa TH); vùng nguyên liệu mía (gần 8000 ha mía - Nhà máy đường Nghệ An); vùng sản xuất rau, củ quả (143 ha); vùng cây ăn quả trên 1000 ha cam... tại huyện Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn.

+ Áp dụng giống mới có năng suất cao, thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, có khả năng chống chịu dịch bệnh hoặc các chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng, vật nuôi; áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến, chương trình “3 giảm, 3 tăng”, canh tác bền vững, phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM, ICM, sản xuất theo quy trình VietGAP, hệ thống thâm canh lúa cải tiến SRI... Hiện nay tổng diện tích ứng dụng SRI hàng năm ước tính khoảng 8.000-10.000 ha, một số địa phương điển hình trong ứng dụng phương pháp canh tác SRI như: Diên Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu; đối với chương trình ba giảm, ba tăng (ICM) đã triển khai được 122 lớp cho 3.620 hộ nông dân tham gia. Việc huấn luyện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật ICM đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho nông dân sản xuất lúa, giảm thiểu thiệt hại do dịch hại gây ra, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), phân bón hóa học, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Chương trình IPM đã tổ chức được 65 lớp huấn luyện cho 1.950 nông dân tham gia. Việc huấn luyện chuyển giao chương trình IPM đã góp phần nâng cao kiến thức về quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) cho cán bộ và người sản xuất nhằm quản lý và giảm thiểu thiệt hại do sâu, bệnh gây ra, giảm chi phí vật tư đầu vào, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất; giảm thiểu mối nguy cơ mất an toàn thực phẩm do thuốc bảo vệ thực vật đối với sức khỏe con người và môi trường.

+ Chương trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp cũng được đẩy mạnh, tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất tăng nhanh. Chuyển đổi mạnh về cơ cấu cây trồng, mùa vụ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Lĩnh vực chăn nuôi:

+ Đã hình thành các cơ sở chăn nuôi theo hướng tập trung với quy mô công nghiệp, ngoài việc tập trung chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm truyền thống, ngành chăn nuôi còn chú trọng du nhập các giống mới để cải tạo đàn vật nuôi địa phương. Áp dụng qui trình chăn nuôi an toàn sinh học đối với gà như chăn nuôi gà thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAHP, ứng dụng công nghệ Blockchain ... Trong đó dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp của Tập đoàn TH đã được triển khai nhanh chóng, đạt hiệu quả cao, được các cấp các ngành trong và ngoài tỉnh ghi nhận và đánh giá cao.

+ Các công nghệ chuồng trại tiên tiến như chuồng kín, chủ động kiểm soát được nhiệt độ trong chuồng nuôi; đệm lót sinh học; công nghệ xử lý chất thải bằng men vi sinh, máy ép phân, bể biogas phủ bạt HDPE đã được áp dụng ở các trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa đã góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường.

Lĩnh vực Lâm nghiệp:

+ Ngành đã và đang triển khai đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh về việc ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin (thiết bị điện tử, điện thoại, máy tính bảng) và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. hệ thống này được Chi cục Kiểm lâm vận hành đồng bộ trong lực lượng từ tỉnh (Chi cục Kiểm lâm) xuống huyện (Hạt kiểm lâm), xuống địa bàn cấp xã thông qua lực lượng kiểm lâm địa bàn. Đồng thời, trong theo dõi cập nhật diễn biến tài nguyên rừng tỉnh Nghệ An sử dụng máy tính bản tích hợp với phần mềm chuyên dụng và dung ảnh viễn thám để lập bản đồ hiện trạng, tính toán biến động thông qua các phần mềm GIS như ArcGIS, MapInfo, Ecognition, ENVI,...

+ Việc giám sát đa dạng sinh học được áp dụng bằng những phần mềm và công cụ hiện đại như phần mềm Smart tại Vườn quốc gia Pù mát và áp dụng các công cụ giám sát chuyên ngành như máy ảnh giám sát động vật tại Vườn quốc gia và 2 Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, Pù Hoạt.

+ Ứng dụng bẫy ảnh trong hoạt động điều tra, giám sát đa dạng sinh học đã ghi nhận và khẳng định sự có mặt của nhiều loài thú, trong đó có các loài nguy cấp, quý hiếm có tên trong sách Đỏ Việt Nam và Sách đỏ IUCN đã được các chuyên gia nghiên cứu, ghi nhận trước đây và một số loài trong bộ gặm nhấm, bộ guốc chẵn, một số loài chim... Ngoài ra, kết quả thu được từ bẫy ảnh còn xác định được các mối đe dọa và nguy cơ tác động đến đa dạng sinh học tại khu bảo tồn; để từ đó đưa ra các biện pháp quản lý, bảo tồn một cách hiệu quả.

+ Trong điều kiện bất thường về thiên tai, nắng nóng kéo dài, việc cảnh báo nguy cơ cháy rừng trên địa bàn tỉnh đã được áp dụng hệ thống WebGIS để theo dõi cảnh báo cháy rừng, đồng thời phối hợp với Trung tâm khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để giám sát, cảnh báo cháy rừng trong mùa nắng nóng.

Lĩnh vực thủy sản:

+ Nhiều công nghệ mới được áp dụng vào sản xuất giống như hệ thống lọc và khử trùng nước bằng tia cực tím, hệ thống nâng nhiệt,... hàng năm cung cấp cho thị trường trên 2,5 tỷ con tôm thẻ chân trắng giống, hơn 100 triệu con tôm sú giống, 36 triệu con cá giống, 700 triệu con ngao giống và 19 triệu con cua giống. Những năm gần đây, người nuôi tôm trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi tôm theo hướng thâm canh, siêu thâm canh như mô hình nuôi tôm trong bể xi măng, mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, nuôi tôm Semi-Biofloc, nuôi tôm VietGAP, nuôi tôm trong nhà màng, ... bước đầu áp dụng các kỹ thuật mới trong nuôi cá lồng công nghệ cao ở các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh. Nhiều đối tượng nuôi mới và mô hình nuôi thủy sản nước ngọt mới được áp dụng vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi cá “sông trong ao”, mô hình nuôi thâm canh cá rô phi Đường nghiệp, rô phi lai xa Israel, cá chép V1, trắm giòn, chép giòn, ngoài ra, trong năm 2024 ngành triển khai dự án nghiên cứu thử nghiệm xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ quản lý tự động các yếu tố môi trường trong nuôi tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn mang lại hiệu quả bước đầu trong việc phát triển bền vững nghề nuôi tôm ở địa phương.

+ Ngoài ra Ngành đã ứng dụng hệ thống giám sát tàu cá VMS kết nối thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá và trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá để quản lý, giám sát hành trình, hoạt động của tàu cá trên các vùng biển; ứng dụng cơ sở dữ

liệu nghề cá Quốc gia Vnfishbase là cơ sở dữ liệu trực tuyến và đồng bộ cho quản lý thông tin về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, hạn ngạch khai thác thủy sản, giấy phép khai thác thủy sản, dữ liệu về cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, dữ liệu về nhật ký, báo cáo khai thác được Ban quản lý cảng cá kiểm tra và cập nhật hàng ngày khi tàu cá cập, rời cảng đã được cài đặt cho 100% số tàu cá; phần mềm truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử eCDT sử dụng bằng điện thoại thông minh, phần mềm này cung cấp đầy đủ quy trình và chức năng khai báo theo quy định nhằm quản lý tàu cá xuất cảng và ghi nhận dữ liệu ban đầu về tàu và thuyền viên; ghi chép sản lượng khai thác giúp dễ dàng cấp giấy biên nhận thủy sản qua cảng, cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản cho nhà máy chế biến. Đến nay có gần 1.000 tàu số tàu thuyền đơn vị đã hỗ trợ cài đặt, hướng dẫn sử dụng.

Lĩnh vực thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão:

+ Ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý và thu nhận thông tin từ 01 trạm cảnh báo bão, 01 trạm thủy văn chuyên dùng, 20 trạm đo mưa tự động đặt tại các huyện miền núi và vùng tâm mưa, lũ lớn.

+ Sử dụng 05 camera giám sát lắp đặt tại các trọng điểm đê điều dùng để quan trắc, theo dõi mực nước sông; các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh đã lắp đặt đầy đủ camera giám sát; hồ chứa thủy lợi (hồ Vực Máu) sử dụng công nghệ SCADA trong hoạt động giám sát, quản lý, vận hành hồ đập.

Công tác xúc tiến thương mại

Trong năm, Sở đã tổ chức đi xúc tiến thương mại, tìm hiểu thị trường tại các tỉnh phía Bắc và phía Nam đặc biệt tổ chức Hội nghị liên kết vùng về tiêu thụ sản phẩm 4 tỉnh: Lâm Đồng, Ninh Bình, Nghệ An, Thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện nay, Ngành đã xây dựng được 63 chuỗi thực phẩm an toàn. Ngoài ra, Ngành hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông lâm thủy sản, truy xuất nguồn gốc, cấp mã Qr - code; tăng cường công tác xúc tiến thương mại nông sản, đảm bảo chất lượng thực phẩm.

- Năm 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức hơn 1.933 cuộc tập huấn, hội nghị, phổ biến giáo dục pháp luật với 76.117 lượt người tham dự để tuyên truyền, phổ biến về các nội dung tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; HACCP; Vietgap; thủy sản; kiểm lâm; thủy lợi... chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, hướng dẫn thi hành luật và hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công cho người dân; tập huấn các kỹ năng sử dụng thiết bị thông minh và khai thác ứng dụng sàn thương mại điện tử, giao dịch trực tuyến.

- Hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiếp cận các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; biết ứng dụng các công nghệ vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã tích cực thực hiện Đề án 06/CP, phối hợp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ do Công an tỉnh và UBND tỉnh yêu cầu.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn nói chung, nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao nói riêng còn ít.

- Lực lượng lao động tham gia sản xuất nông nghiệp trình độ thấp, khả năng tiếp cận công nghệ còn nhiều hạn chế; lao động ngoài độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao.

- Nguồn lực hỗ trợ trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, địa phương vẫn thiếu các cơ chế, chính sách để thu hút các lực lượng tham gia vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Việc phổ biến, tập huấn cho người dân tiếp cận chuyển đổi số trong nông nghiệp mặc dù đã triển khai nhưng do trình độ của người dân còn hạn chế, nên hiệu quả chưa cao.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích cực hưởng ứng ngày Chuyển đổi số Quốc gia.

- Sở đã ban hành Công văn 4160/SNN-VP ngày 01/10/2024 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 728/KH-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 4238/SNN-VP ngày 07/10/2024 về việc phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; treo băng rôn, bảng điện tử hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia (từ ngày 01/10/2024 đến hết ngày 10/10/2024), đăng tải bài viết “Sở Nông nghiệp và PTNT phổ cập, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024” trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn các phòng sở, đơn vị thuộc sở thực hiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên các nhóm zalo, facebook,...

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền chỉ thực hiện theo đợt nên hiệu quả chưa cao.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Sở đã quán triệt, chỉ đạo, phổ biến và đánh giá tại kỳ họp giao ban hàng tháng về chuyển đổi số; Đã huy động được sự vào cuộc của Đảng ủy, Chi ủy, Đoàn thanh niên và toàn bộ cán bộ công nhân viên chức toàn Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thực hiện chuyển đổi số. Phát huy vai trò của người đứng đầu nêu gương trong chuyển đổi số tại đơn vị thuộc sở.

- Thành lập các nhóm zalo đảng bộ, chi bộ để tuyên truyền, cách làm hay, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi trong thực hiện thành công chuyển đổi số.

- Mời các chuyên gia đầu ngành của bộ, ngành tham vấn, chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhận thức về chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chưa bắt kịp với yêu cầu của công nghệ, của chuyển đổi số. Lãnh đạo một số

đơn vị thuộc sở chưa quyết liệt và thường xuyên, chưa đặt nhiệm vụ chuyển đổi số ngang tầm trong chỉ đạo.

9.3. Công tác truyền thông chuyển đổi số

- Sở đã mở chuyên mục chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên Cổng thông tin điện tử của sở.

- Ban hành Công văn 4160/SNN-VP ngày 01/10/2024 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 728/KH-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 4238/SNN-VP ngày 07/10/2024 về việc phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; treo băng rôn, băng điện tử hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia (từ ngày 01/10/2024 đến hết ngày 10/10/2024), đăng tải bài viết “Sở Nông nghiệp và PTNT phổ cập, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024” trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Thành lập nhóm zalo trong tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công, hỗ trợ công dân nộp hồ sơ trực tuyến; tuyên truyền các tin bài về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của sở; phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền các chính sách, quy định của pháp luật thông qua chương trình “Nhịp cầu nhà nông”. (19 chuyên đề, 01 phóng sự đã phát sóng).

- Đăng tải các bài viết về chuyển đổi số, văn bản chỉ đạo, điều hành lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Cổng thông tin điện tử của sở.

10. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện đã đầu tư cho công nghệ thông tin (máy tính, máy in và duy trì web, phần mềm cơ sở dữ liệu)/Chuyển đổi số nói chung của Sở và 31 đơn vị thuộc sở năm 2024 là 2.510.110.790 đồng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 2152/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Các Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An: số 589/KH-UBND ngày 18/10/2021 về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Nghệ An năm 2021, 2022 và định hướng đến năm 2025; số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025; số 774/KH-UBND ngày 08/11/2022 về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030; số 132/KH-UBND ngày 03/03/2023 về thực hiện chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025; số 347/KH-UBND ngày 24/05/2023 về triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 671/KH-UBND ngày 11/09/2023 về phát triển hạ tầng số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025; số 833/KH-UBND ngày 31/10/2024 chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2024; số 3050/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 Quyết định ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mục tiêu kép: Vừa ứng dụng thành quả cách mạng công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo (AI) để thay đổi hình thức hoạt động quản lý tiên tiến, hiệu quả; vừa huy động được sự tham gia của mọi thành phần trong chuỗi giá trị nông nghiệp nhằm tối ưu hóa sản xuất, kinh doanh, giảm rủi ro, thiệt hại do biến đổi khí hậu, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp một cách bền vững hướng tới một nền nông nghiệp số hoàn chỉnh với việc phát triển đồng bộ nền tảng hạ tầng số, chính quyền số nông nghiệp, kinh tế số nông nghiệp và nông dân, nông thôn số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Chính quyền số

- 100% máy tính kết nối mạng LAN và Internet băng rộng; 100% cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% các đơn vị thuộc đã được phê duyệt Hồ sơ cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin mạng nội bộ.

- 80% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT được quy định mức độ toàn trình được thực hiện dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình từ khâu nộp hồ sơ trực tuyến, giải quyết trực tuyến và thanh toán trực tuyến; 95% hồ sơ được thực hiện số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết; 100% kết quả TTHC đối với danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến được thực hiện ký số điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- 90% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOFFice tại Sở và đơn vị trực thuộc sở; 98% tỷ lệ duyệt văn bản đến và 90% tỷ lệ ký số văn bản đi trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOFFice tại Sở và đơn vị trực thuộc Sở trừ văn bản mật theo quy định của Pháp luật.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua trên hệ thống báo cáo của tỉnh, Chính phủ theo quy định.

- Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào sử dụng.

- 100%, lãnh đạo cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được đào tạo bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho yêu cầu công việc.

- 100% Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Sở và đơn vị trực thuộc Sở được cấp chứng thư số, chữ ký số điện tử công cộng.

2.2 Kinh tế số và xã hội số

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06/CP.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách nhằm khuyến khích phát triển trong nông nghiệp phù hợp với sự thay đổi công nghệ và đáp ứng yêu cầu quá trình chuyển đổi số.

- Phấn đấu 50 % các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiềm năng của tỉnh, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm được ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử, Cổng/trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

- Xây dựng từng bước hình thành phát triển xã hội nông nghiệp số, các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp, người sản xuất sẵn sàng ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao, từng bước khai thác thông tin ngành nông nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống xã hội.

- 40% sản phẩm nông nghiệp chủ lực truy xuất được nguồn gốc, kiểm soát được về quy trình sản xuất, an toàn vệ sinh thực phẩm,... bằng công nghệ số; tối thiểu 40% sản phẩm nông nghiệp chủ lực được giới thiệu, quảng bá và bán trên các sàn thương mại điện tử.

- 50% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng chuyển đổi số; có sử dụng thiết bị thông minh và khai thác ứng dụng sàn thương mại điện tử, giao dịch trực tuyến với chính quyền;

- Hỗ trợ, tư vấn 40% nông dân tiếp cận các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; biết ứng dụng các công nghệ vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động trong chuyển đổi số

- Ban hành văn bản triển khai, đơn đốc thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025.

- Người đứng đầu tại mỗi đơn vị thuộc sở chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng công việc gắn với nhiệm vụ chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách.

- Tiến hành thanh tra, kiểm tra các đơn vị thuộc sở trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn an ninh thông tin.

2. Thể chế số

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các quy chế, quy định về hộp thư công vụ tỉnh, cổng thông tin điện tử, văn bản điện tử trong Ngành đúng pháp luật hiện hành.

- Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các cơ sở dữ liệu triển khai trong Ngành đảm bảo tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu. Kiện toàn Ban chỉ đạo, tổ giúp việc chuyển đổi số, phân công nhiệm vụ an toàn an ninh thông tin cho lãnh đạo sở.

- Tham mưu ban hành, sửa đổi cơ chế chính sách hỗ trợ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh lồng ghép chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao.

3. Hạ tầng số

- Nâng cấp, đồng bộ hệ thống mạng LAN, WAN, Internet, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo vận hành ổn định, hiệu quả có tính sẵn sàng và dự phòng không bị gián đoạn kết nối; nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất tại các đơn vị đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc sở, trang bị máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo sử dụng win10 trở lên, cài đặt các phần mềm diệt mã độc theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực đầu tư nâng cấp hạ tầng số (Internet băng thông rộng, điện thoại thông minh,...) đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai, ứng dụng các dịch vụ mới của kinh tế số.

- Triển khai, lắp đặt camera giám sát phòng chống cháy rừng tại các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

4. Dữ liệu số

a) Tiếp tục triển khai các cơ sở dữ liệu (viết tắt: cơ sở dữ liệu) đã triển khai, cụ thể:

- cơ sở dữ liệu trồng trọt, bảo vệ thực vật: Tiếp tục ứng dụng hệ thống Bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất vùng trồng lúa tỉnh Nghệ An; triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trồng trọt, cơ sở dữ liệu bảo vệ thực vật do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- cơ sở dữ liệu về chăn nuôi, thú y: Tiếp tục triển khai phần mềm về quản lý cơ sở dữ liệu về chăn nuôi theo Thông tư 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc cập nhật khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi. Tiếp tục triển khai phần mềm cập nhật báo cáo dịch bệnh động vật (VAHIS) do Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- cơ sở dữ liệu quản lý lâm nghiệp: Tiếp tục ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FMRS) trong lĩnh vực lâm nghiệp; tiếp tục triển khai phần mềm Quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì xây dựng; tiếp tục triển khai hệ thống Giám sát đánh giá chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiếp tục triển khai hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu gắn với hệ thống giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- cơ sở dữ liệu về quản lý thủy sản: Tiếp tục ứng dụng cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFISHBASE); hệ thống Giám sát tàu cá (VMS); hệ thống dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; Dữ liệu về giống thủy sản; dữ liệu về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.

- cơ sở dữ liệu quản lý phòng, chống thiên tai: Triển khai hệ thống Bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên lưu vực sông Cả do Trường Đại học Thủy lợi chủ trì xây dựng, hệ thống đo mưa chuyên dụng Vrain.

- cơ sở dữ liệu Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường: Tiếp tục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản do Công ty Cổ phần Chứng nhận và kiểm nghiệm FAO chủ trì xây dựng.

b) Hoàn thiện xây dựng các CSDL Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

Hoàn thiện thí điểm hệ thống CSDL Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ ngày 1/12/2024 đến 28/2/2025, báo cáo và đánh giá kết quả triển khai thí điểm, hoàn thiện thủ tục pháp lý đồng thời triển khai chính thức, đánh giá mở rộng hoàn thiện cơ bản hệ thống quản lý CSDL Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nhân lực số

- Tiếp tục rà soát, bổ sung Tổ giúp việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc sở khi có thay đổi.
- Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiến thức và kỹ năng số để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.
- Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ kiêm nhiệm công nghệ thông tin tại các đơn vị tham gia tập huấn các lớp chuyên sâu do Sở Thông tin và Truyền thông và cấp trên tổ chức.

6. An toàn thông tin mạng

- Hướng dẫn các đơn vị trình phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ khi thay đổi và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phê duyệt.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định trước ngày 15/12/2025 (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).
- Tổ chức phổ biến, quán triệt cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động nâng cao nhận thức về an toàn an ninh thông tin mạng.
- Liên kết và hợp tác xây dựng các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng tại các đơn vị trong Ngành.
- Triển khai cài đặt SOC cho các đơn vị thuộc sở khi Sở Thông tin và Truyền thông triển khai.
- Cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.
- Triển khai các quy định về ứng phó sự cố; tổ chức khảo sát an toàn an ninh thông tin các đơn vị trong Ngành.

7. Chính phủ số

- Đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung một cách có hiệu quả: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, hệ thống giải quyết TTHC, hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, hệ thống bảo hiểm xã hội tỉnh, quản lý tài sản, dịch vụ công kho bạc nhà nước, vv... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.
- Tiếp tục triển khai chứng thư số cá nhân và cơ quan, tổ chức cho các đơn vị trực thuộc các sở.
- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo chỉ đạo của Chính phủ; triển khai thanh toán trực tuyến; từng bước số hóa các kết quả giải quyết TTHC đồng thời tăng cường số hóa hồ sơ của các tổ chức, công dân.
- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình TTHC. Tăng cường triển khai

tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống trực tuyến hạn chế mức thấp nhất việc tiếp nhận hồ sơ trực tiếp đối với các TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai lưu trữ kết quả giải quyết TTHC vào kho dữ liệu trên hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh
- Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và PTNT

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền sâu rộng về định hướng chiến lược phát triển kinh tế số của quốc gia, của tỉnh; tuyên truyền các thành quả và mô hình ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu hoàn thiện và triển khai các chính sách hỗ trợ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng nền tảng dữ liệu số quản lý ngành nông nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm VietGAP, Global GAP, OCOP, ... của tỉnh.

- Hỗ trợ và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân, dẫn dắt nông dân để tiếp nhận chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao trên từng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trên các sàn thương mại điện tử nhằm quảng bá, đưa sản phẩm nông nghiệp, tên doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ sản xuất nông nghiệp đến các thị trường trong nước và quốc tế, kết nối trực tiếp giữa người bán và người mua.

- Tăng cường quan hệ hợp tác giữa các hiệp hội thuộc Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành khác để tranh thủ sự hỗ trợ về năng lực quản lý, công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số.

- Tiếp tục thực hiện Đề án 06/CP theo chỉ đạo của các cấp trên.

- Khuyến khích doanh nghiệp, lao động trẻ tham gia chuyển đổi số; tăng cường truyền thông, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng cho nông dân. Đào tạo người dân về việc sử dụng sàn thương mại để quảng bá sản phẩm. Kết nối các tổ chức như hội Phụ nữ, hội Nông dân và hợp tác xã để giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình áp dụng công nghệ. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại, tham gia thảo luận về cách ứng dụng công nghệ cao. Mời các nông dân đã chuyển đổi số thành công chia sẻ kinh nghiệm của mình và nêu gương sáng tiêu biểu cho nông dân trong chuyển đổi số.

- Triển khai các kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh thông qua các chỉ số SIPAS, Bộ chỉ số DDCI,...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lồng ghép, gắn nhiệm vụ chuyển đổi nhận thức của lực lượng công chức, viên chức và người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn về chuyển đổi số với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 5/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các chiến lược, chương trình hành động, nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động từ “truyền thống” sang môi trường số an toàn, tích cực. Phối hợp, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp, các hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin và các hội, hiệp hội chuyên Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tạo hiệu ứng lan tỏa.

- Căn cứ kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2025 của UBND tỉnh, Sở triển khai văn bản tuyên truyền ngày chuyển đổi số, các đơn vị thuộc sở triển khai tuyên truyền theo các hình thức băng rôn, khẩu hiệu, ...đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức và phải mang lại lợi ích thiết thực phù hợp với tinh thần cũng như chủ đề của Ngành về ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc về chuyển đổi số, an toàn an ninh thông tin, tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn cho người dân về các văn bản Luật, các chính sách về nông nghiệp nông thôn, nông dân lồng ghép chuyển đổi số để nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Tăng cường các tin, bài, chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số nông nghiệp.

- Cập nhật các thông tin về chuyển đổi số trong nông nghiệp lên chuyên mục chuyển đổi số trên cổng/trang thông tin điện tử của sở.

IV. GIẢI PHÁP

1 Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số; xây dựng và phát triển nền tảng số; tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: cập nhật thông tin lên Cổng thông tin điện tử, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Sở; nâng

cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số. Theo chức năng nhiệm vụ được giao các đơn vị chủ động tập huấn, hướng dẫn cho người dân tiếp cận theo hướng nộp hồ sơ, thủ tục trực tuyến nhằm giảm chi phí và thời gian đi lại của người dân và doanh nghiệp.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của Ngành.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý vận hành, duy trì các hạ tầng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu triển khai trong Ngành đảm bảo tính đồng bộ, an toàn an ninh thông tin.

2. Xây dựng, hoàn thiện và khai thác dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Khai thác hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin hiện có

- Đối với các phần mềm/ hệ thống thông tin triển khai từ Bộ, ngành, trung ương và các dự án của Chính phủ tiếp tục triển khai hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên đồng thời xin ý kiến đánh giá lại hiện trạng, tính năng, hiệu quả của các phần mềm/ hệ thống thông tin, kiến nghị đưa ra quy chế quản lý, vận hành, phân quyền truy cập, cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số trong nông nghiệp.

- Đối với các phần mềm/ hệ thống thông tin do Sở, các đơn vị thuộc sở là chủ đầu tư, tiếp tục triển khai, rà soát, nâng cấp, khai thác hiệu quả tính năng phần mềm/ hệ thống phục vụ công tác tham mưu lĩnh vực ngành; đẩy mạnh công tác thông tin truyền truyền, rà soát tích hợp các phần mềm/ hệ thống đáp ứng yêu cầu vào trung tâm dữ liệu của tỉnh. Ban hành quy chế vận hành, phân quyền cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ thông tin.

b. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Giai đoạn 1: Từ ngày 1/12/2024 đến 28/2/2025: Triển khai thí điểm hệ thống Quản lý thông tin chuyên ngành Nông nghiệp trên các lĩnh vực:

- + Thủy sản và Kiểm ngư (cơ sở dữ liệu khai thác thủy sản (Quản lý tàu cá, dữ liệu về cơ sở đăng kiểm tàu cá,...)); cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm trong lĩnh vực

thủy sản (Dữ liệu quản lý IUU)).

+ Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường (cơ sở dữ liệu về quản lý an toàn thực phẩm).

+ Nông thôn mới (cơ sở dữ liệu về quản lý xây dựng nông thôn mới: Xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao; Xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu...).

+ Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn (cơ sở dữ liệu về bố trí dân cư; cơ sở dữ liệu về làng nghề; cơ sở dữ liệu Kinh tế hợp tác (hợp tác xã, trang trại); cơ sở dữ liệu về sản phẩm OCOP).

+ Thủy lợi (cơ sở dữ liệu về quản lý thiên tai; cơ sở dữ liệu về quản lý sạt lở).

+ Lâm nghiệp (cơ sở dữ liệu về giống cây trồng lâm nghiệp (Dữ liệu về nguồn giống; dữ liệu về giống cây trồng lâm nghiệp mới; dữ liệu về các đơn vị nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất, kinh doanh giống)).

+ Chăn nuôi và Thú y (cơ sở dữ liệu về quản lý dịch bệnh).

+ Trồng trọt và BVTN (cơ sở dữ liệu về giống cây trồng; cơ sở dữ liệu về sản xuất trồng trọt; cơ sở dữ liệu về đất trồng trọt).

- Giai đoạn 2: Từ tháng 3/2025 đến tháng 12/2025: Báo cáo và đánh giá kết quả triển khai thí điểm, hoàn thiện thủ tục pháp lý đồng thời triển khai chính thức, đánh giá mở rộng hoàn thiện cơ bản hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

- Xây dựng, kết nối kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở dữ liệu của các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, triển khai.

- Xây dựng thí điểm vùng sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý tự động đầu vào và đầu ra của một sản phẩm nông nghiệp có truy xuất nguồn gốc trên không gian mạng.

3. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp nhằm phát triển kinh tế số và xã hội số trong nông nghiệp

- Tiếp tục ứng dụng các phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice, Chữ ký số, hệ thống thư công vụ tỉnh trong quản lý chỉ đạo điều hành tại các đơn vị thuộc sở; triển khai gửi, nhận văn bản, ký số điện tử đạt ít nhất 80% tại các đơn vị; tăng cường triển khai các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tuyến.

- Đẩy mạnh giải quyết TTHC trên hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, không để xảy ra trường hợp quá hạn do chủ quan, báo cáo giải trình và thư xin lỗi công dân đối với trường hợp quá hạn nguyên nhân khách quan.

- Quảng bá, tuyên truyền các sản phẩm nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc điện tử cho các cơ sở và các dòng sản phẩm nông sản an toàn trên các sàn thương mại điện tử, Cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng/trang thông tin điện tử của các đơn vị thuộc sở. Đẩy mạnh tuyên truyền, ứng dụng các phần mềm/hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ phát triển xã hội số trong nông nghiệp; khai thác thông tin,

ứng dụng các dịch vụ khoa học kỹ thuật nông nghiệp, các mô hình nông nghiệp thông minh trên môi trường số phục vụ phát triển sản xuất và đời sống xã hội.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ và thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong nông nghiệp.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số địa phương về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số trong nông nghiệp. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và công nghệ thông tin để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI NĂM 2025

Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai trong năm 2025 tại Phụ lục kèm theo

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của Ngành có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) kết quả thực hiện về chuyển đổi số của Ngành khi có yêu cầu.

- Tham mưu cho sở trình UBND tỉnh chủ trương, lập hồ sơ, thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số của Ngành trong năm 2025 và những năm tiếp theo chỉ đạo của các cấp trên.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo sở.

- Triển khai hệ thống thông tin của tỉnh, hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát TTHC của toàn Ngành bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả; Chủ trì, phối hợp với phòng, các đơn vị thuộc sở và các đơn vị liên quan, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Cổng Thông tin điện tử, hệ thống giải quyết TTHC, hệ thống thư điện tử, hệ thống Quản lý văn bản điều hành VNPTIOffice.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối các nguồn ngân sách năm 2025, ưu tiên bố trí kinh phí chuyển đổi số, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Tổ chức Cán bộ

- Chủ trì tham mưu triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính toàn Ngành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào quy định xác định chỉ số cải cách hành chính các đơn vị trong Ngành.

4. Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ

- Triển khai tích hợp cơ sở dữ liệu Bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất vùng trồng lúa tỉnh Nghệ An về đất lúa vào cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi hoàn thành.

- Phối hợp với các đơn vị trong ngành để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để tham mưu xây dựng thí điểm vùng sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý tự động đầu vào và đầu ra của một sản phẩm nông nghiệp có truy xuất nguồn gốc trên không gian mạng.

5. Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy thương mại điện tử đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của người dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử, xây dựng chuỗi thực phẩm an toàn trong toàn tỉnh.

6. Các phòng sở, đơn vị thuộc sở

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, Chủ trì, phối hợp với Văn phòng sở triển khai thí điểm cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời hoàn thiện tính năng theo chuyên môn nghiệp vụ và quy định của pháp luật.

- Theo từng lĩnh vực chuyên môn được giao, chủ động rà soát và đề xuất các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số nhằm góp phần thúc đẩy mạnh mẽ công tác chuyển đổi số của Ngành đạt hiệu quả cao nhất trong thời gian tới.

- Chủ động nâng cao tinh thần, trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của các ngành, địa phương trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, đơn vị mình.

- Phối hợp với Văn phòng sở, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục của Kế hoạch, các chương trình, dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Văn phòng sở) định kỳ 6 tháng (trước ngày 5/6/2024 hoặc khi có yêu cầu) để Sở tổng hợp, báo cáo Sở Thông tin truyền thông và UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2025. Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu các phòng sở, các đơn vị thuộc sở triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét, điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (đ/b);
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng sở;
- Các đơn vị thuộc sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Phùng Thành Vinh

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An)

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị Chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
A	Chuyển đổi số hướng đến hoàn thiện chính quyền điện tử và xây dựng chính quyền số			
I	Chuyển đổi nhận thức			
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
2	Tập huấn cho người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, các quy định, các mô hình kinh tế số, xã hội số	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
3	Tiếp tục triển khai chuyên mục về chuyển đổi số trong nông nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Sở	Văn phòng Sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
II	Phát triển hạ tầng số			
1	Đầu tư trang thiết bị máy tính đảm bảo đúng quy định, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (LAN), kết nối mạng đồng bộ đạt chuẩn kỹ thuật theo hồ sơ đã được phê duyệt cấp độ	Các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	

2	Lắp đặt camera giám sát, bảo vệ rừng và cảnh báo sớm cháy rừng	Các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Văn phòng sở	
III	Xây dựng cơ chế, chính sách			
1	Rà soát, xây dựng hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về nguồn vốn, cơ sở vật chất cho người dân và doanh nghiệp trong phát triển thủy sản, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp trong ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao	Các phòng sở, các Chi cục thuộc sở	Văn phòng sở	
2	Xây dựng quy chế Cổng thông tin điện tử sở và các quy chế khác đảm bảo phù hợp với quy định khi có thay đổi	Văn phòng sở	Các đơn vị thuộc sở	
IV	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ			
1	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice đạt - 90% tỷ lệ người dùng thường xuyên trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice tại Sở và đơn vị trực thuộc sở; 98% tỷ lệ duyệt văn bản đến và 90% tỷ lệ ký số văn bản đi trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPTIOffice tại sở và đơn vị trực thuộc sở trừ văn bản mật theo quy định của Pháp luật.	Các phòng sở, các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	
2	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hệ thống giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: 80% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT được quy định mức độ toàn trình được thực hiện dưới dạng dịch	Các phòng: Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng công trình, Tổ chức cán bộ; Các chi cục thuộc sở;	Văn phòng sở	

	vụ công trực tuyến toàn trình từ khâu nộp hồ sơ trực tuyến, giải quyết trực tuyến và thanh toán trực tuyến; 95% hồ sơ được thực hiện số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết; 100% kết quả TTHC đối với danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến được thực hiện ký số điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới		
3	Triển khai hệ thống thư công vụ tỉnh; hệ thống báo cáo của tỉnh; hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức viên chức tỉnh; hệ thống bảo hiểm xã hội tỉnh; DTsoft - phần mềm kế toán và các phần mềm dung chung khác	Các phòng sở, các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	
V	Phát triển hạ tầng dữ liệu			
a)	Tiếp tục triển khai các nội dung			
1	Tập hợp, số hóa nội dung, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản hành chính, văn bản chuyên Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng sở, các đơn vị thuộc sở		
2	Tiếp tục ứng dụng phát triển hệ thống Bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất vùng trồng lúa tỉnh Nghệ An. Tích hợp, chia sẻ dữ liệu mở lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Nghệ An theo quy định	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	Văn phòng sở	
3	Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trồng trọt, cơ sở dữ liệu bảo vệ thực vật do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	

4	Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi theo quy định tại Điều 11, Luật Chăn nuôi và Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Tích hợp, chia sẻ dữ liệu mở lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Nghệ An theo quy định	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Văn phòng sở	
5	Triển khai hệ thống VAHIS - hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	
6	Tiếp tục ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng (FMRS) trong lĩnh vực lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ; các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc sở	
7	Tiếp tục triển khai phần mềm Quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì xây dựng	Chi cục kiểm lâm	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ; các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc sở	

8	Tiếp tục triển khai hệ thống Giám sát đánh giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ, Chi cục kiểm lâm	
9	Tiếp tục triển khai hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu gắn với hệ thống giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ, Chi cục kiểm lâm	
10	Tiếp tục ứng dụng cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFISHBASE); hệ thống Giám sát tàu cá (VMS); hệ thống dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; Dữ liệu về giống thủy sản; Dữ liệu về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; Dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản do Cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	Phòng Kế hoạch tài chính, phòng Quản lý kỹ thuật và khoa học công nghệ	
11	Tiếp tục ứng dụng hệ thống đo mưa chuyên dụng Vrain	Chi cục Thủy lợi	Phòng Quản lý xây dựng công trình	
12	Tiếp tục triển khai hệ thống Bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên lưu vực sông Cả do Trường Đại học Thủy lợi chủ trì xây dựng	Chi cục thủy lợi	Phòng Quản lý xây dựng công trình	

13	Tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản do Công ty Cổ phần Chứng nhận và kiểm nghiệm FAO chủ trì xây dựng	Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	
b)	<i>Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chính thức đưa vào sử dụng</i>	Văn phòng sở, các phòng sở, các đơn vị trực thuộc sở		
VI	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin			
1	Xây dựng hệ thống thông cấp độ đối với các hệ thống chưa phê duyệt theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 và Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các văn bản QPPL hiện hành.	Các đơn vị thuộc sở	Văn phòng sở	
2	Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	Văn phòng sở	Các đơn vị thuộc sở	
B	Chuyển đổi số ngành hướng đến phát triển kinh tế số và xã hội số			
1	Triển khai các vùng chuyên thâm canh chuyển đổi cây trồng, vật nuôi và kêu gọi đầu tư lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp công nghệ cao	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
2	Tiếp tục xây dựng các mô hình sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh, sản xuất lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ số trên từng lĩnh vực có quy mô vùng chuyên canh; mô hình công nghệ cao trong chăn nuôi,...kết nối cung cầu nông sản trên sàn thương mại điện tử.	Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ; Các chi cục, Trung tâm	Văn phòng sở	

3	Khảo sát, thống kê đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp thông qua các chỉ số SIPAS, DDCI	Văn phòng sở	Các phòng sở, đơn vị thuộc sở	
---	--	--------------	-------------------------------	--

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NGHỆ AN